

CHÍNH PHỦ

Số : 27/2001/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

B300b.

Hà Nội, ngày 05 tháng 6 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ
Về kinh doanh lữ hành, h- ớng dẫn du lịch

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH13 ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Căn cứ Pháp lệnh Du lịch số 11/1999/PL-UBTVQH10 ngày 08 tháng 02 năm 1999;

Theo đề nghị của Tổng cục tr- ởng Tổng cục Du lịch,

NGHỊ ĐỊNH :

Ch- ơng I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối t- ợng áp dụng

1. Nghị định này quy định về kinh doanh lữ hành, h- ớng dẫn du lịch.

2. Nghị định này áp dụng đối với mọi tổ chức, cá nhân ng- ời Việt Nam thuộc các thành phần kinh tế và tổ chức, cá nhân ng- ời n- ớc ngoài hoạt động theo Luật Đầu t- n- ớc ngoài tại Việt Nam kinh doanh lữ hành, h- ớng dẫn du lịch, trừ tr- ờng hợp pháp luật về đầu t- n- ớc ngoài tại Việt Nam có quy định khác.

Điều 2. Trong Nghị định này, các từ ngữ d- ưới đây đ- ợc hiểu nh- sau

1. **Khách du lịch** là ng- ời đi du lịch hoặc kết hợp đi du lịch, trừ tr- ờng hợp đi học, làm việc hoặc hành nghề để nhận thu nhập ở nơi đến.

2. **Khách du lịch quốc tế** là ng- ời n- ớc ngoài, ng- ời Việt Nam định c- ở n- ớc ngoài vào Việt Nam du lịch; công dân Việt Nam, ng- ời n- ớc ngoài c- trú tại Việt Nam ra n- ớc ngoài du lịch.

3. **Khách du lịch nội địa** là công dân Việt Nam và ng- ời n- ớc ngoài c- trú tại Việt Nam đi du lịch trong lãnh thổ Việt Nam.

4. **Ch- ơng trình du lịch** là lịch trình đ- ọc định tr- ớc của chuyến đi du lịch do các doanh nghiệp lữ hành tổ chức, trong đó xác định thời gian chuyến đi, nơi đến du lịch, các điểm dừng chân, dịch vụ l- u trú, vận chuyển, các dịch vụ khác và giá bán ch- ơng trình.

5. **Kinh doanh lữ hành** là việc xây dựng, bán, tổ chức thực hiện các ch- ơng trình du lịch nhằm mục đích sinh lợi.

6. **H- ớng dẫn viên du lịch** là ng- ời h- ớng dẫn khách theo ch- ơng trình du lịch và đ- ọc thanh toán cho dịch vụ h- ớng dẫn.

H- ớng dẫn viên du lịch không bao gồm : thuyết minh viên tại chỗ, ng- ời của các cơ quan, tổ chức đ- ọc cử đi công tác cùng khách là ng- ời n- ớc ngoài.

Ch- ơng II **KINH DOANH LỮ HÀNH**

Điều 3. Kinh doanh lữ hành

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh lữ hành phải đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và cam kết thực hiện đầy đủ các điều kiện quy định trong Nghị định này.

2. Việc thành lập doanh nghiệp lữ hành, đăng ký kinh doanh, bổ sung chức năng ngành nghề kinh doanh lữ hành thực hiện theo Luật Doanh nghiệp Nhà n- ớc, Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật Đầu t- n- ớc ngoài tại Việt Nam.

Điều 4. Điều kiện kinh doanh lữ hành nội địa

1. Có ph- ơng án kinh doanh du lịch.
2. Ký quỹ 50 (năm m- ời) triệu đồng Việt Nam.
3. Đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp lữ hành nội địa

1. Doanh nghiệp lữ hành nội địa có các quyền sau :

a) Xây dựng, quảng cáo, bán và tổ chức thực hiện các chương trình du lịch cho khách du lịch nội địa; khách du lịch là người Việt Nam định cư ở nước ngoài vào Việt Nam du lịch;

b) Lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật;

c) Tham gia các câu lạc bộ, các hiệp hội nghề nghiệp;

d) Tiến hành các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch theo đúng chức năng, quyền hạn và phạm vi kinh doanh du lịch;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp lữ hành nội địa có các nghĩa vụ sau :

a) Chấp hành, phổ biến và hướng dẫn khách du lịch tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định của Nhà nước về an ninh và trật tự, an toàn xã hội; về bảo vệ môi trường, bản sắc văn hoá và thuần phong mỹ tục của dân tộc;

b) Có biện pháp bảo đảm an toàn về sức khoẻ, tính mạng và tài sản của khách du lịch;

c) Công khai giá và các điều kiện thực hiện chương trình du lịch, dịch vụ du lịch; đảm bảo các dịch vụ cung cấp cho khách đúng số lượng và chất lượng như đã quảng cáo;

d) Thông báo về thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh cho cơ quan quản lý du lịch cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

đ) Không được cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng tên cách pháp nhân, tên doanh nghiệp của mình để hoạt động kinh doanh du lịch;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Điều kiện kinh doanh lữ hành quốc tế

1. Có giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

2. Ký quỹ 250 (hai trăm năm mươi) triệu đồng Việt Nam.

3. Đăng ký kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật.

4. Có ít nhất 3 hướng dẫn viên được cấp thẻ.

Điều 7. Cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế

1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế gồm :

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế;

b) Bản sao hợp pháp các giấy tờ quy định tại Điều 6 của Nghị định này.

2. Thủ tục cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế gồm :

a) Doanh nghiệp gửi một bộ hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế (d-ới đây gọi tắt là hồ sơ) đến cơ quan quản lý du lịch của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung - ơng nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ do doanh nghiệp gửi đến, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định hồ sơ và gửi văn bản đề nghị kèm theo hồ sơ đầy đủ đến cơ quan có thẩm quyền xem xét, cấp giấy phép. Tr- ờng hợp không đủ tiêu chuẩn để xem xét, cấp giấy phép thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do cho doanh nghiệp biết đồng thời gửi báo cáo về Tổng cục Du lịch;

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đ- ợc văn bản đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền về việc cấp giấy phép có trách nhiệm xem xét, cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế cho doanh nghiệp. Tr- ờng hợp từ chối cấp phép, phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ và doanh nghiệp biết;

d) Tổng cục Du lịch công bố thủ tục cấp phép theo h- ớng đơn giản, thuận tiện, không gây phiền hà, cản trở hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và thực hiện việc cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp lữ hành quốc tế

1. Doanh nghiệp lữ hành quốc tế có các quyền sau :

a) Xây dựng, quảng cáo, bán và tổ chức thực hiện các ch- ơng trình du lịch;

b) Lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định của pháp luật;

c) Tham gia các câu lạc bộ, các hiệp hội nghề nghiệp;

d) Tiến hành các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch;

đ) Làm thủ tục xin xét duyệt nhân sự về nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh cho khách du lịch với cơ quan quản lý nhà n- ớc có thẩm quyền;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp lữ hành quốc tế có các nghĩa vụ sau :

a) Chấp hành, phổ biến và hướng dẫn khách du lịch tuân thủ pháp luật và các quy định của Nhà nước Việt Nam về an ninh và trật tự, an toàn xã hội; về bảo vệ môi trường, bản sắc văn hoá và thuần phong mỹ tục của dân tộc;

b) Có biện pháp bảo đảm an toàn về sức khoẻ, tính mạng và tài sản của khách du lịch;

c) Công khai giá và các điều kiện thực hiện chương trình du lịch, dịch vụ du lịch; đảm bảo các dịch vụ cung cấp cho khách đúng số lượng và chất lượng như đã quảng cáo;

d) Thông báo về thời điểm bắt đầu hoạt động kinh doanh cho cơ quan quản lý du lịch cấp tỉnh, thành phố;

đ) Tuyên truyền, quảng bá về du lịch Việt Nam;

e) Chỉ được sử dụng hướng dẫn viên du lịch đã được cấp thẻ để hướng dẫn khách du lịch;

g) Quản lý hướng dẫn viên, đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho hướng dẫn viên của doanh nghiệp;

h) Không được cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng tên cách pháp nhân, tên doanh nghiệp của mình để hoạt động kinh doanh du lịch;

i) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp lữ hành quốc tế có vốn đầu tư nước ngoài

Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, được phép kinh doanh lữ hành theo giấy phép do cơ quan nhà nước Việt Nam có thẩm quyền cấp, có quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của Nghị định này và các quyền và nghĩa vụ quy định trong Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan.

Chương III HƯỚNG DẪN DU LỊCH

Điều 10. Hành nghề hướng dẫn du lịch

Những người đủ tiêu chuẩn theo quy định của Nghị định này sẽ được xem xét để cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch. Chỉ những người đã được cấp thẻ mới được hành nghề hướng dẫn viên du lịch đối với khách du lịch quốc tế. Hướng dẫn viên du lịch chỉ được hành nghề hướng dẫn viên du lịch khi đang làm việc ở một doanh nghiệp kinh doanh lữ hành.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của h- ớng dẫn viên

1. H- ớng dẫn viên có các quyền sau :

- a) H- ớng dẫn khách du lịch theo nhiệm vụ đ- ợc giao hoặc theo hợp đồng đã ký với doanh nghiệp lữ hành;
- b) Tham gia hiệp hội nghề nghiệp;
- c) H- ớng dẫn khách du lịch theo các ch- ơng trình du lịch trong và ngoài n- ớc;
- d) Nhận l- ơng, thù lao theo hợp đồng của đơn vị sử dụng;
- đ) Tham gia thi tuyển, công nhận cấp bậc nghề nghiệp của h- ớng dẫn viên;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. H- ớng dẫn viên có các nghĩa vụ sau :

- a) Tuân thủ và h- ớng dẫn khách du lịch tuân thủ pháp luật Việt Nam, nội quy, quy chế nơi đến tham quan du lịch và tôn trọng phong tục tập quán của địa ph- ơng;
- b) H- ớng dẫn khách tham quan du lịch theo đúng ch- ơng trình, có thái độ văn minh, tận tình và chu đáo với khách;
- c) Có trách nhiệm đối với việc bảo đảm an toàn, tính mạng, tài sản của khách du lịch;
- d) Thông tin về chuyến đi cho khách du lịch và các quyền lợi hợp pháp khác của khách du lịch;
- đ) Đeo thẻ h- ớng dẫn viên trong khi làm nhiệm vụ;
- e) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Những điều h- ớng dẫn viên không đ- ợc làm

H- ớng dẫn viên không đ- ợc :

- 1. Lợi dụng hoạt động lữ hành, cung cấp những thông tin làm ph- ơng hại đến an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội;
- 2. Cho ng- ời khác m- ợn thẻ h- ớng dẫn viên;
- 3. Có những hành vi, lời nói gây ảnh h- ớng xấu tới hình ảnh, thuần phong mỹ tục Việt Nam;
- 4. Đ- a khách du lịch đến những khu vực cấm;

5. Thay đổi chương trình du lịch đã thông báo cho khách mà không có sự đồng ý của khách;

6. Kiếm lợi bất chính đối với khách du lịch, nài ép khách du lịch mua hàng hóa, dịch vụ;

7. Tùy tiện cắt giảm các tiêu chuẩn, dịch vụ của khách du lịch;

8. Phân biệt đối xử với khách du lịch;

Điều 13. Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch

Người có đủ các điều kiện sau đây được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch :

1. Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam, có đủ năng lực hành vi dân sự;

2. Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng các chất gây nghiện;

3. Có bằng cử nhân trở lên và có chứng chỉ bồi dưỡng về hướng dẫn du lịch do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp;

4. Có bằng cử nhân ngoại ngữ hoặc chứng chỉ ngoại ngữ du lịch do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp;

Điều 14. Hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên

Hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên gồm :

a) Đơn đề nghị cấp thẻ;

b) Sơ yếu lý lịch (có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường, xã nơi cư trú, hoặc cơ quan nơi công tác);

c) Bản sao có công chứng :

- Bằng cử nhân và chứng chỉ bồi dưỡng về hướng dẫn du lịch;

- Bằng cử nhân ngoại ngữ hoặc chứng chỉ ngoại ngữ du lịch;

d) Giấy khám sức khỏe và ảnh.

Điều 15. Thủ tục cấp thẻ hướng dẫn viên

1. Người có đủ điều kiện quy định tại Điều 13 của Nghị định này nộp hồ sơ đề nghị cấp thẻ đến cơ quan quản lý nhà nước về du lịch có thẩm quyền.

2. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đ-ợc hồ sơ đầy đủ, cơ quan quản lý nhà n-ớc về du lịch có trách nhiệm xem xét cấp thẻ h-ớng dẫn viên du lịch; tr-ờng hợp từ chối cấp thẻ, cơ quan quản lý nhà n-ớc về du lịch có thẩm quyền phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do đến ng-ời xin cấp thẻ.

3. Tổng cục Du lịch ủy quyền cho các cơ quan quản lý nhà n-ớc về du lịch ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung - ơng thực hiện cấp thẻ h-ớng dẫn viên du lịch.

Thẻ h-ớng dẫn viên du lịch có giá trị trong phạm vi toàn quốc.

Điều 16. Đổi, cấp lại, thu hồi thẻ h-ớng dẫn viên

1. Tr-ờng hợp đổi, cấp lại thẻ h-ớng dẫn viên :

Tr-ờng hợp thẻ h-ớng hoặc bị mất, h-ớng dẫn viên phải làm hồ sơ đề nghị đổi, cấp lại thẻ.

2. Hồ sơ đề nghị đổi, cấp lại thẻ gồm :

- a) Đơn đề nghị;
- b) Hai ảnh 3 x 4;
- c) Thẻ cũ đối với tr-ờng hợp đổi thẻ, hoặc xác nhận của cơ quan công an đối với tr-ờng hợp bị mất thẻ.

3. Thu hồi thẻ h-ớng dẫn viên.

H-ớng dẫn viên bị thu hồi thẻ nếu vi phạm một trong các tr-ờng hợp sau :

- a) Vi phạm khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 12;
- b) Vi phạm các khoản từ 3 đến 8 Điều 12.

4. Khi bị thu hồi thẻ, h-ớng dẫn viên chỉ đ-ợc xem xét để cấp lại sau 6 (sáu) tháng kể từ ngày thẻ bị thu hồi. Hồ sơ và thủ tục đề nghị cấp thẻ áp dụng theo quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Nghị định này.

Ch-ơng IV

QUẢN LÝ NHÀ N-ỚC VỀ KINH DOANH LỮ HÀNH, H-ỚNG DẪN VÀ VẬN CHUYỂN KHÁCH DU LỊCH

Điều 17. Quản lý nhà n-ớc về kinh doanh lữ hành, h-ớng dẫn và vận chuyển khách du lịch

1. Tổng cục Du lịch thực hiện việc quản lý nhà n-ớc về kinh doanh lữ hành, h-ớng dẫn du lịch; đề xuất với Chính phủ các cơ chế chính sách về du lịch, ban hành theo thẩm quyền các văn bản h-ớng dẫn và tổ chức thực hiện

các văn bản quy phạm pháp luật về lữ hành, h-ớng dẫn du lịch, cung cấp thông tin về du lịch; phối hợp với các Bộ, ngành h-ớng dẫn các địa ph-ơng thực hiện quản lý nhà n-ớc về du lịch, kiểm tra, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

2. Tổng cục Du lịch công bố công khai các điều kiện và thủ tục cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế để doanh nghiệp có căn cứ xây dựng, tổ chức thực hiện các ch-ơng trình du lịch và đăng ký kinh doanh.

3. Tổng cục Du lịch chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc cấp thẻ h-ớng dẫn viên du lịch, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật hiện hành, kể cả rút giấy uỷ quyền cấp thẻ h-ớng dẫn viên du lịch.

4. Tổng cục Du lịch chủ trì cùng với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hoá - Thông tin quy định điều kiện và cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp chứng chỉ bồi d-ỡng về h-ớng dẫn viên du lịch, chứng chỉ ngoại ngữ du lịch quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 13 của Nghị định này.

5. Bộ Giao thông vận tải chủ trì phối hợp với Tổng cục Du lịch và các ngành, địa ph-ơng có liên quan h-ớng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn, điều kiện đối với ph-ơng tiện và ng-ời điều khiển ph-ơng tiện vận chuyển khách du lịch.

6. Cơ quan quản lý nhà n-ớc về du lịch ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung - ơng thực hiện việc quản lý hoạt động kinh doanh lữ hành, hành nghề h-ớng dẫn, vận chuyển khách du lịch trên địa bàn; h-ớng dẫn và kiểm tra việc thực hiện các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trên địa bàn.

Ch- ơng V **KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

Điều 18. Khen th- ưởng

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc kinh doanh lữ hành, h-ớng dẫn, vận chuyển khách du lịch thì đ- ợc khen th- ưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh lữ hành mà không đăng ký kinh doanh, doanh nghiệp kinh doanh lữ hành quốc tế mà không có giấy phép hoặc có sai phạm trong việc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 8 của Nghị định này; h-ớng dẫn viên du lịch quốc tế mà không có thẻ h-ớng dẫn viên thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý hành chính hoặc thu hồi giấy phép kinh doanh hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi th- ưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ng-ời nào lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái với những quy định của Nghị định này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về kinh doanh lữ hành và h-ớng dẫn du lịch thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi th-ờng theo quy định của pháp luật.

Ch- ơng VI **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 20.

1. Những doanh nghiệp kinh doanh lữ hành đã có giấy phép, đã đăng ký hoạt động kinh doanh tr-ớc ngày ban hành Nghị định này vẫn tiếp tục đ-ợc hoạt động kinh doanh nh- ng phải điều chỉnh, bổ sung đầy đủ các điều kiện để hoạt động theo đúng quy định của Nghị định này.

2. Những ng-ời đã đ-ợc cấp thẻ h-ớng dẫn viên tr-ớc khi ban hành Nghị định này mà vẫn còn thời gian sử dụng thì vẫn đ-ợc tiếp tục sử dụng thẻ đã đ-ợc cấp để h-ớng dẫn khách du lịch.

Điều 21. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký. Các quy định tr-ớc đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 22. Tổng cục Du lịch có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành liên quan h-ớng dẫn thi hành Nghị định này.

Điều 23. Các Bộ tr-ởng, Thủ tr-ởng cơ quan ngang Bộ, Thủ tr-ởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung - ơng chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ T ỚNG

Nơi nhận :

- Ban Bí th- Trung - ơng Đảng,
- Thủ t- ớng, các Phó Thủ t- ớng Chính phủ,
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP,
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW,
- Văn phòng Quốc hội,
- Văn phòng Chủ tịch n- ớc,
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng,
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao,
- Tòa án nhân dân tối cao,
- Cơ quan Trung - ơng của các đoàn thể,
- Công báo,
- VPCP : BTCN, các PCN, các Vụ, Cục,
các đơn vị trực thuộc,
- L- u : KTTH (5b), VT.

Phan Văn Khải